

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀM VIỆT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀM VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AGARWOOD VIET JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: AGARWOOD VIET

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110231828

**3. Ngày thành lập:** 13/01/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 4 Ngõ 18 đường Đê Trần Khát Chân, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0366940088

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hóa<br>(loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4610     |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4620     |
| 3.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4631     |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt<br>Bán buôn thủy sản<br>Bán buôn rau, quả<br>Bán buôn cà phê<br>Bán buôn chè<br>Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột<br>Bán buôn thực phẩm khác<br>Kinh doanh thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng                                | 4632     |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao | 4649     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 6.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp<br>Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)<br>Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh<br>Bán buôn cao su<br>Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt<br>Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép<br>Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại | 4669 |
| 7.  | Trồng cây lấy sợi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 0116 |
| 8.  | Trồng cây có hạt chứa dầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 0117 |
| 9.  | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 0118 |
| 10. | Trồng cây hàng năm khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 0119 |
| 11. | Trồng cây ăn quả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 0121 |
| 12. | Trồng cây lấy quả chứa dầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 0122 |
| 13. | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 0128 |
| 14. | Trồng cây lâu năm khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 0129 |
| 15. | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 0131 |
| 16. | Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 0132 |
| 17. | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 0161 |
| 18. | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 0163 |
| 19. | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 0210 |
| 20. | Khai thác gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 0220 |
| 21. | Khai thác lâm sản khác trừ gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 0231 |
| 22. | Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 0232 |
| 23. | Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 0240 |
| 24. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh<br>Ủy thác xuất nhập khẩu                                                                                                                                                                                                                                 | 8299 |
| 25. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản<br>Dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư                                                                                                                                                                                                                          | 6810 |
| 26. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản<br>Dịch vụ tư vấn bất động sản<br>Dịch vụ quản lý bất động sản<br>Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản<br>(trừ hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                                                               | 6820 |
| 27. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4690 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                           |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 28. | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                                                                                            | 1610        |
| 29. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                                                                                         | 1621        |
| 30. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1622        |
| 31. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1623        |
| 32. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                                  | 1629        |
| 33. | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa                                                                                                                                                                                                                                                            | 1701        |
| 34. | Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa                                                                                                                                                                                                                                       | 1702        |
| 35. | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                          | 1709        |
| 36. | In ấn<br>(trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                          | 1811        |
| 37. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1812        |
| 38. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                                                                                                    | 2023        |
| 39. | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên; Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất; Sản xuất sản phẩm hỗn hợp có mùi thơm dùng cho sản xuất nước hoa hoặc thực phẩm; Sản xuất hương các loại... | 2029(Chính) |
| 40. | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu<br>Chi tiết: Sản xuất thuốc<br>Sản xuất hoá dược và dược liệu                                                                                                                                                                                       | 2100        |
| 41. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(trừ hoạt động đấu giá và các hàng hóa và dịch vụ Nhà nước cấm)                                                                                                                                                         | 4774        |
| 42. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                            | 4784        |
| 43. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>(trừ bán lẻ vàng, súng, đạn, tem và tiền kim khí, hoạt động của đấu giá viên)                                                                                                                                                               | 4789        |
| 44. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                        | 4791        |
| 45. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                   | 4799        |
| 46. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                         | 4772        |
| 47. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(trừ bán lẻ vàng, súng, đạn, tem và tiền kim khí; trừ hoạt động đấu giá và các hàng hóa và dịch vụ Nhà nước cấm)                                                                                                              | 4773        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Thời gian đăng từ ngày 13/01/2023 đến ngày 12/02/2023

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán: 200.000**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                    | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | TRẦN MẠNH<br>HÙNG | 55 Vân Đồn,<br>Phường Bạch<br>Đằng, Quận Hai<br>Bà Trưng, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam                            | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 50.000        | 500.000.000              | 25,000       | 0010780199<br>62                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                       | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                       | Tổng số                            | 50.000        | 500.000.000              | 25,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                       |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | LÊ QUANG<br>NHẬT  | 101- B4 Nghĩa<br>Tân, Phố Hoàng<br>Quốc Việt,<br>Phường Nghĩa<br>Tân, Quận Cầu<br>Giấy, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 50.000        | 500.000.000              | 25,000       | 0012030063<br>86                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                       | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                       | Tổng số                            | 50.000        | 500.000.000              | 25,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                       |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |             |                                                                                                        |                           |        |             |        |                  |  |
|---|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|------------------|--|
| 3 | LÊ SỸ HÙNG  | Số 4 Ngõ 18 đường Đê Trần Khát Chân, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 50.000 | 500.000.000 | 25,000 | 0010790199<br>27 |  |
|   |             |                                                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |             |                                                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |             |                                                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |             |                                                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |             |                                                                                                        | Tổng số                   | 50.000 | 500.000.000 | 25,000 |                  |  |
|   |             |                                                                                                        |                           |        |             |        |                  |  |
| 4 | TRỊNH BÁ SỸ | 4-A-4 TT Dệt 8/3, đường Kim Ngưu, Phường Quỳnh Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam      | Cổ phần phổ thông         | 50.000 | 500.000.000 | 25,000 | 0360760039<br>57 |  |
|   |             |                                                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |             |                                                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |             |                                                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |             |                                                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |             |                                                                                                        | Tổng số                   | 50.000 | 500.000.000 | 25,000 |                  |  |
|   |             |                                                                                                        |                           |        |             |        |                  |  |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ SỸ HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 02/08/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001079019927

Ngày cấp: 12/03/2018

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: *Số 4 Ngõ 18 đường Đê Trần Khát Chân, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 4 Ngõ 18 đường Đê Trần Khát Chân, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội